

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-PT

Ngày 04-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Óng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, kháng nghị,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Văn Đ; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trinh K; địa chỉ: Số 10, đường 3/2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Huỳnh Đ; địa chỉ: Văn phòng Luật sư H, tổ 02, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (*theo Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018*) – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Y; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị S; địa chỉ: Buôn B, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

Anh Trịnh Đức T; địa chỉ: Tổ 01, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Anh Trần B; địa chỉ: Tổ 03, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Trinh K.

6. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Ngày 29/3/2017, anh Đ và anh K ký hợp đồng thuê xe ô tô BKS A với giá 800.000 đồng/ngày, từ ngày 29/3/2017 đến ngày 31/3/2017. Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 31/3/2017, anh K gọi điện báo cho anh Đ là xe bị chết máy tại Km 223-QL28, gần UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau đó, anh Đ cùng anh Trịnh Đức T vào kiểm tra, anh T xác định: Xe bị chết máy là do hết nước làm mát dẫn đến chết máy (*Lúp bê*). Anh Đ đã ký hợp đồng sửa chữa xe với Garage ô tô H với số tiền 23.400.000 đồng. Số ngày xe nằm garage để sửa chữa là 09 ngày (*từ ngày 01/4/2017 đến ngày 09/4/2017*) x 800.000 đồng/ngày = 7.200.000 đồng. Anh Đ yêu cầu anh K phải bồi thường tổng số tiền 30.600.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Ngày 29/3/2017, anh K ký hợp đồng thuê xe ô tô BKS A của anh Đ với giá 800.000 đồng/ngày, từ ngày 29/3/2017 đến ngày 31/3/2017, anh K có giấy phép lái xe theo quy định. Sau khi thuê xe, anh K điều khiển xe chạy bình thường, không bị sự cố, ngoại vật tác động vào xe. Tuy nhiên, khi xe đang chạy thì đột nhiên bị chết máy, anh K đã gọi điện báo cho anh Đ để xử lý. Sau đó, anh Đ đến vị trí xe bị chết máy, khởi động và điều khiển xe chạy từ xã Q, huyện Đ về thị xã G. Như vậy, xe ô tô chết máy chưa xác định rõ nguyên nhân nhưng anh Đ không xử lý mà tiếp tục điều khiển xe khoảng 40km. Do đó, nguyên nhân xe bị hư hỏng không phải do lỗi của anh K nên anh K không chấp nhận bồi thường số tiền 30.600.000 đồng cho anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Y trình bày: Chị Y là vợ của anh Đ, xe ô tô BKS A là tài sản riêng của anh Đ có trước khi kết hôn với chị Y, chị Y không biết việc anh Đ cho anh K thuê xe và cũng không có liên quan đến tài sản này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị S là vợ của anh K, chị S không biết việc anh K thuê xe ô tô của anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng anh Trịnh Đức T trình bày: Ngày 31/3/2017, anh T cùng anh Đ kiểm tra xe ô tô BKS A, tại thời điểm kiểm tra thì xe đã bị chết máy. Khi kiểm tra, két đựng nước làm mát máy đã hết, đường co dẫn nước bị vỡ. Anh T giải thích cho anh Đ và anh K biết nếu khắc phục tạm thời và đổ nước vào két nước thì có thể di chuyển xe về thị xã G, đỡ tiền thuê xe cứu hộ, khi về tới garage thì buộc phải sửa chữa lại. Anh Đ và anh K không phản đối nên anh T sửa tạm đường co ống dẫn nước làm mát và đổ nước vào két làm mát máy. Sau đó, anh Đ cùng anh K điều khiển xe về thị xã G. Anh Đ, anh K di chuyển xe được khoảng từ 5km - 7km thì dừng lại đổ nước làm mát máy để tiếp tục di chuyển, việc dừng xe để khắc phục đổ nước nhiều lần mới về tới thị xã G.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng Trần Văn B trình bày: Tại

Biên bản hội chuẩn ngày 31/3/2017 ghi nhận tình trạng hư hỏng của xe ô tô BKS A được tiến hành giữa các bên gồm anh Đ, anh T, anh B, người chứng kiến và ghi biên bản là anh Nguyễn Ngọc Th thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến việc xe đang chạy, lưu thông trên đường bị chết máy là do hết nước trong két nước và lọc máy. Sau khi anh T tháo máy kiểm tra thì xe bị hư hỏng các bộ phận: Bạc máy bị liệt, Luppe nước hư hỏng. Anh B ghi nhận sự việc như trong biên bản.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 472, Điều 477, Điều 479, Điều 517, Điều 519, Điều 520 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn Đ, buộc anh Nguyễn Trinh K phải bồi thường cho anh Ngô Văn Đ số tiền 10.774.000 đồng; bác một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn Đ đối với số tiền 19.826.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Trinh K kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 03/6/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 292/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo hướng sửa Bản án sơ thẩm về quan hệ tranh chấp và số tiền bồi thường, buộc anh K phải bồi thường cho anh Đ số tiền 6.099.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Huỳnh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông về quan hệ pháp luật và số tiền anh Nguyễn Trinh K phải trả cho anh Ngô Văn Đ là 6.099.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Trinh K nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông ban hành trong thời hạn luật định.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 29/3/2017, anh Đ và anh K ký Hợp đồng thuê xe tự lái với nội dung: Anh Đ cho anh K thuê xe ô tô BKS A với giá 800.000 đồng/ngày, thời gian từ ngày 29/3/2017 đến ngày 31/3/2017. Mặc dù bản chính hợp đồng do nguyên đơn cung cấp không có chữ ký của anh Đ nhưng anh Đ là người giữ bản hợp đồng này; đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận nội dung hợp đồng như đã nêu ở trên. Do đó, Hợp đồng thuê xe tự lái ngày 29/3/2017 là hợp đồng thuê tài sản có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 401, 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*”, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” là không chính xác.

[2.2]. Về xác định mức bồi thường thiệt hại:

Tại khoản 2 Điều II của Hợp đồng thể hiện: Anh K có trách nhiệm kiểm tra kỹ xe trước khi nhận; trả xe trong tình trạng như khi nhận, nếu có bất kỳ chi tiết nào trên xe bị thiếu, hư hỏng hay thay đổi so với lúc nhận xe thì anh K phải bồi thường cho anh Đ theo giá hiện thời.

Xét thấy, xe bị hư hỏng trong thời gian anh K thuê xe và đang là người trực tiếp sử dụng xe. Sau khi kiểm tra xe, anh T đã giải thích cho anh Đ và anh K biết nếu khắc phục tạm thời đường co dẫn nước và đổ nước vào két nước thì có thể di chuyển xe về thị xã G nhưng sau đó phải sửa chữa lại. Anh Đ và anh K không phản đối, sau đó anh Đ và anh K cùng điều khiển xe về thị xã G. Tại Công văn số: 1157/2018/GMV-MO ngày 10/10/2018 của Công ty TNHH General Motors Việt Nam khuyến cáo: Trường hợp xe ô tô hiệu Chevrolet Captiva BKS A khi đang lưu thông mà hết nước làm mát thì không nên di chuyển xe vì có thể gây hư hỏng nặng hơn cho các bộ phận khác. Khi xe bị hư hỏng, anh Đ và anh K không sửa chữa đúng quy trình mà chỉ đổ nước làm mát vào két làm mát máy để khắc phục tạm thời và tiếp tục di chuyển xe khoảng 40km, quá trình di chuyển phải nhiều lần dừng lại để đổ nước. Như vậy, cả anh Đ và anh K đều có lỗi ngang nhau trong việc để xảy ra thiệt hại.

Tại thời điểm anh T kiểm tra xe vào ngày 31/3/2017, xe đã bị hư hỏng các bộ phận: Ron quy lát, dây cam máy, bạc sec măng, phi nước máy, lược nhót, nhót máy, ron, phốt dầu máy, phốt cam. Đối với Ron quy lát và bạc sec, tại thời điểm kiểm tra đã bị hư hỏng nhẹ, nếu tiếp tục di chuyển cũng không hư hỏng gì thêm nhưng buộc phải thay mới; đối với pittong bị trầy xước phải thay thế, không sửa chữa được; đối với dây cam máy thì hư hỏng theo định kỳ, không phải do máy hỏng mà thay; đối với cơ nước máy, lọc nhót, nhót máy, phốt dầu máy, phốt cam và ron, khi làm lại máy đều phải thay mới toàn bộ. Như vậy, khi tính mức thiệt hại cần phải trừ giá trị dây cam máy vì đây là hư hỏng theo định kỳ. Tại thời điểm xảy ra tranh chấp, xe ô tô đã được sửa chữa và bán cho người khác nên không có căn cứ để định giá thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh giá linh kiện, phụ tùng tại 03 cơ sở sửa chữa ô tô trên địa bàn thị xã G, sau đó lấy mức giá trung bình chung của 03 cơ sở này và đơn giá của Garage ô

tô H (nơi sửa chữa xe) để xác định thiệt hại là phù hợp, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cộng giá trị dây cam máy vào tổng giá trị thiệt hại là không chính xác.

- Về thiệt hại do thay thế linh kiện, phụ tùng cần được tính như sau: Giá trị thiệt hại theo hợp đồng sửa chữa tại Garage ô tô H là 20.100.000 đồng; theo xác minh tại Doanh nghiệp tư nhân garage ô tô TB là 9.150.000 đồng; theo xác minh tại Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ TP là 10.870.000 đồng; theo xác minh tại Cơ sở ô tô PL là 8.675.000 đồng. Giá trị thiệt hại trung bình của 04 cơ sở trên: $(20.100.000 + 9.150.000 + 10.870.000 + 8.675.000) / 4 = 12.198.750$ đồng.

- Về thiệt hại trong thời gian xe bị hư hỏng: Tổng thời gian xe bị hư hỏng không sử dụng được từ ngày 01/4/2017 đến ngày 09/4/2017 là 09 ngày, tổng thiệt hại 800.000 đồng/ngày x 09 ngày = 7.200.000 đồng. Tại khoản 2 Điều II của hợp đồng thể hiện: “*Các ngày xe nghỉ không chạy được do lỗi của bên B thì bên B phải trả tiền hoàn toàn trong các ngày đó*”. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, cả hai bên đều có lỗi ngang nhau trong việc để xảy ra thiệt hại, do đó, cần buộc mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ mức thiệt hại là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không buộc anh K phải bồi thường số tiền này là không có căn cứ.

Như vậy, tổng giá trị thiệt hại là: $12.198.750 + 7.200.000 = 19.398.750$ đồng, mỗi bên phải chịu: 9.699.375 đồng, cần buộc anh K phải bồi thường cho anh Đ số tiền làm tròn là 9.699.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông về xác định lại quan hệ tranh chấp; không chấp nhận kháng nghị về mức bồi thường.

[3]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Trinh K là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn có một số sai sót cần nêu ra để rút kinh nghiệm, cụ thể: Biên bản nghị án thể hiện sự có mặt, vắng mặt của đương sự và Hội đồng xét xử biểu quyết chung về đường lối xử lý, án phí, quyền kháng cáo là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 20.901.000 đồng không được chấp nhận, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 9.699.000 đồng phải bồi thường cho anh Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 117, Điều 401, Điều 472, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trinh K; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông: Buộc anh Nguyễn Trinh K phải bồi thường cho anh Ngô Văn Đ tổng số tiền 9.699.000đ (*chín triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Ngô Văn Đ cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Trinh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc anh Ngô Văn Đ phải chịu 1.045.000đ (*một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 765.000đ (*bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001651 ngày 15/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông; anh Đ còn phải nộp tiếp số tiền 280.000đ (*hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Buộc anh Nguyễn Trinh K phải chịu 485.000đ (*bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001137 ngày 10/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Đắk Nông; anh K còn phải nộp tiếp số tiền 185.000đ (*một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa dân sự;
- Lưu Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Ngô Đức Thọ